



Biểu mẫu số 53
Nghị định số 31/2017/NĐ-CP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số **09** /NQ-HĐND, ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Phước Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2021	Bao gồm		Quyết toán năm 2021	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp Huyện	Ngân sách Xã		Ngân sách cấp Huyện	Ngân sách Xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp Huyện	Ngân sách Xã
	TỔNG CHI NSĐP	387.330.000.000	287.821.000.000	99.509.000.000	916.088.255.367	771.961.006.614	149.998.162.753	236,5%	268,2%	150,7%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	387.330.000.000	287.821.000.000	99.509.000.000	498.298.287.949	382.079.192.750	122.090.009.199	128,6%	132,7%	122,7%
I	Chi đầu tư phát triển	62.345.000.000	48.454.000.000	13.891.000.000	172.128.668.841	153.735.853.652	18.392.815.189	276,1%	317,3%	132,4%
1	Chi đầu tư cho các dự án	62.345.000.000	48.454.000.000	13.891.000.000	172.128.668.841	153.735.853.652	18.392.815.189	276,1%	317,3%	132,4%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	0	0	11.364.643.000	11.288.643.000	76.000.000			
II	Chi thường xuyên	304.370.000.000	219.770.000.000	84.600.000.000	326.169.619.108	228.343.339.098	103.697.194.010	107,2%	103,9%	122,6%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	120.600.000.000	120.360.000.000	240.000.000	128.111.772.808	127.842.617.208	269.155.600	106,2%	106,2%	112,1%
2	Chi khoa học và công nghệ	800.000.000	800.000.000	0	290.090.000	290.090.000	0	36,3%	36,3%	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	0	417.789.967.418	389.881.813.864	27.908.153.554			

Không bao gồm chi nộp ngân sách cấp trên